TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19-4-2023
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hồng Vân;
2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Thanh G, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. "*vắng mặt*"

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Ngọc Q, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. "*vắng mặt"*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21-11-2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Thanh G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh G và chị Phạm Thị Ngọc Q trên cơ sở tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký

kết hôn tại UBND xã N, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào cùng năm. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình nên thường xuyên gây gổ; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn nên anh G yêu cầu ly hôn đối với chị Phạm Thị Ngọc Q.

Về con chung: Anh G và chị Q có hai con chung tên Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 30-11-2011 và Trần Thị Diệu H, sinh ngày 17-7-2016; hiện cháu D và cháu H đang sống cùng anh G. Khi ly hôn, anh G yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc cháu D và cháu H, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh G trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh G cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Bị đơn - chị Phạm Thị Ngọc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không ghi lời khai, không tiến hành hòa giải được, đã tiến hành tống đạt hợp lệ chị Q đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng chị Q vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả nguyên đơn và bị đơn là đúng pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh G đối với chị Phạm Thị Ngọc Q.

Về án phí: Anh Trần Thanh G phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật; chị Phạm Thị Ngọc Q không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và

qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Thanh G khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Ngọc Q, chị Q có địa chỉ tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết, chị Q đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ nhưng chị Q vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị Q. Chị Q phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo qui định tại các Điều 6, Điều 72 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Q. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Giữa anh Trần Thanh G và chị Phạm Thị Ngọc Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 04 tháng 4 năm 2011, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa anh G và chị Q phát sinh mâu thuẫn, anh G cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình nên vợ chồng thường xuyên gây gổ và ly thân từ năm 2021 cho đến nay; lời trình bày của anh G phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được. Mặt khác, Tòa án triệu tập hòa giải nhưng chị Q không đến cho thấy chị Q không có thiện chí hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa anh G và chị Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh G đối với chị Q theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Anh G và chị Q có hai con chung tên Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 30-11-2011 và Trần Thị Diệu H, sinh ngày 17-7-2016. Hiện tại, cháu D và cháu H đang sống cùng anh G. Khi ly hôn, anh G yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc cháu D và cháu H. Xét thấy, anh G chăm sóc con chung tốt, đảm bảo quyền lợi cho cháu D và cháu H; bên cạnh đó cháu D có nguyện vọng sống với anh G nên tiếp tục giao cháu D và cháu H cho anh G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận anh G không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Anh G trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh G trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh Trần Thanh G phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự. Chị Phạm Thị Ngọc Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Thanh G đối với chị Phạm Thị Ngọc Q. Anh G được ly hôn với chị Q.

2. Về con chung: Anh G và chị Q có hai con chung tên Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 30-11-2011 và Trần Thị Diệu H, sinh ngày 17-7-2016. Giao cháu D và cháu H cho anh G tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc. Ghi nhận anh G không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con. Chị Q được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Q thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh G trình bày không có, không yêu cầu nên Toà án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Thanh G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0022939 ngày 23-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Chị Phạm Thị Ngọc Q không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Trần Thanh G, chị Phạm Thị Ngọc Q có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Tiến Danh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh
- Phòng GĐKTNV&THA;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục Thi hành án H. Bến Cầu;
- UBND xã N (Lưu);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.